

TỜ TRÌNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VPBANK

Điều lệ hiện hành của VPBank được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngày 26/11/2014, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (“Luật Doanh nghiệp 2014”), Luật này bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 và thay thế cho Luật Doanh nghiệp năm 2005. Luật Doanh nghiệp 2014 có khá nhiều điểm thay đổi so với Luật Doanh nghiệp năm 2005, do đó, Điều lệ của VPBank phải được rà soát, sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

Từ các lý do trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VPBank như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với các nội dung theo văn bản đính kèm.
2. Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VPBank theo quy định tại điểm 1 nêu trên kể cả việc bổ sung, làm rõ, tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế.
3. Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan trong việc thực hiện đăng ký/trình Ngân hàng Nhà nước, cơ quan có liên quan về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các nội dung trên Điều lệ tại điểm 1 và 2 nêu trên.
4. Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ sửa đổi.

Trân trọng

Nơi nhận:

- *Như trên*
- *Lưu VP HĐQT*

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Ngô Chí Dũng

STT	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi	Lý do/căn cứ
1	<p>Khoản 1 Điều 8:</p> <p>Vốn điều lệ của VPBank tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này là: 5.770.000.000.000 đồng (Năm nghìn bảy trăm bảy mươi tỷ đồng).</p>	<p>Khoản 1 Điều 8:</p> <p>Vốn điều lệ của VPBank tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này là: 6.347.410.000.000 đồng (Sáu nghìn ba trăm bốn mươi bảy tỷ bốn trăm mười triệu đồng chẵn).</p>	<p>VPBank tăng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 31 ngày 02/10/2014.</p>
2	<p>Khoản 3 Điều 10:</p> <p>3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại VPBank được thực hiện theo quy định dưới đây và các quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có):</p> <p>a) Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến VPBank trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông; - Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại VPBank; 	<p>Khoản 3 Điều 10:</p> <p>3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại VPBank được thực hiện theo quy định dưới đây và các quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có):</p> <p>c) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>d) Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến VPBank trong thời hạn sớm nhất và chỉ có hiệu lực đối với VPBank kể từ ngày VPBank nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 bổ sung điều kiện đối với người được ủy quyền, nội dung văn bản ủy quyền (Điều 15).</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền; - Số cổ phần được ủy quyền đại diện; - Thời hạn đại diện theo ủy quyền; - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông. <p>b) VPBank phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điểm a Khoản 3 này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền; - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền; - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền. <p>e) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; - Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác. 	
--	---	--

3	<p>Điểm b Khoản 1 Điều 12: Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VPBank, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p>	<p>Điểm b Khoản 1 Điều 12: Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi VPBank dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VPBank, trừ trường hợp được VPBank hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Điểm này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong VPBank phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VPBank trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 quy định cụ thể trường hợp nào cổ đông được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi VPBank (Điều 115).</p>
4	<p>Điểm d, Khoản 1 Điều 13: Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.</p>	<p>Bỏ Điểm này.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 bỏ quy định này.</p>
5		<p>Bổ sung Điểm d, Khoản 1 Điều 13: Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với VPBank để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. VPBank không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 mới bổ sung nội dung này (Điều 121).</p>
6	<p>Điểm a, Khoản 2 Điều 16: VPBank sẽ thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ liên hệ khác mà cổ đông đăng ký với VPBank) của cổ đông. Thông báo này sẽ được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày</p>	<p>Điểm a, Khoản 2 Điều 16: VPBank sẽ thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ liên hệ khác của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông) của cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 quy định rõ thời hạn VPBank phải thông báo cho cổ đông khi phát hành thêm cổ phần và chào bán số cổ phần đó, đồng thời không yêu cầu VPBank phải đăng báo thông báo nêu trên (Điều 125).</p>

	thông báo.		
7	<p>Điểm b, Khoản 5, Điều 19:</p> <p>Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.</p>	<p>Điểm b, Khoản 5, Điều 19:</p> <p>Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều này được coi là cổ phần chưa bán. VPBank phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được VPBank mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 quy định VPBank phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được VPBank mua lại (Điều 129, 130, 131).</p>
8	<p>Điểm a, Khoản 1 Điều 22:</p> <p>Không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó; - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành. 	<p>Điểm a, Khoản 1 Điều 22:</p> <p>Không được quyền phát hành trái phiếu trong trường hợp không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 thay đổi các trường hợp VPBank không được quyền phát hành trái phiếu (Điều 127).</p>
9	<p>Khoản 1 Điều 34:</p> <p>1. Hợp đồng (trừ trường hợp bị pháp luật cấm hoặc hạn chế) giữa VPBank với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Cổ đông lớn của VPBank và những người có liên quan của họ; b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành 	<p>Khoản 1 Điều 34:</p> <p>1. Hợp đồng (trừ trường hợp bị pháp luật cấm hoặc hạn chế) giữa VPBank với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <ul style="list-style-type: none"> e) Cổ đông lớn của VPBank và những người có liên quan của họ; f) Người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 bổ sung một số đối tượng mà Hợp đồng giữa VPBank và các đối tượng này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận (Điều 162).</p>

	<p>viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;</p> <p>c) Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của VPBank;</p> <p>d) Doanh nghiệp là Công ty con, công ty liên kết của VPBank.</p>	<p>10% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank và những người có liên quan của họ;</p> <p>g) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;</p> <p>h) Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VPBank;</p> <p>i) Doanh nghiệp là Công ty con, công ty liên kết của VPBank.</p> <p>j) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của VPBank có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;</p> <p>k) Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của VPBank cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</p>	
10	<p>Khoản 2 Điều 34:</p> <p>2. Các hợp đồng nêu tại Khoản 1 Điều này, nếu có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng được</p>	<p>Khoản 2 Điều 34:</p> <p>3. Các hợp đồng nêu tại Khoản 1 Điều này, nếu có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, người đại diện VPBank ký Hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với Hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo Hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu</p>	<p>Luật Doanh nghiệp bổ sung trách nhiệm thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với Hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo Hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch của người đại diện VPBank ký Hợp đồng (Điều 162).</p>

	<p>chấp thuận khi có số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp được quyền biểu quyết/lấy ý kiến bằng văn bản còn lại đồng ý.</p>	<p>của hợp đồng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp được quyền biểu quyết/lấy ý kiến bằng văn bản còn lại đồng ý.</p>	
11		<p>Khoản 3 Điều 35:</p> <p>3. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:</p> <p>a) Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 bổ sung quy định về cách tính và chi trả thù lao, tiền lương và quyền lợi khác cho thành viên Hội đồng quản trị (Điều 158, Điều 167).</p>
12		<p>Bổ sung Khoản 6 Điều 37:</p> <p>6. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 mới bổ sung quyền này của Đại hội đồng cổ đông (Điều 135).</p>
13	<p>Khoản 1 Điều 38:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc họp bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	<p>Khoản 1 Điều 38:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc họp bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 bổ sung cách thức xác định địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp tổ chức họp ở nhiều địa điểm (Điều 136).</p>

14	<p>Khoản 2 Điều 37:</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không được quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Báo cáo tài chính hằng năm; b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở VPBank; c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý VPBank của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc; d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. 	<p>Khoản 2 Điều 37:</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không được quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> f) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của VPBank; g) Báo cáo tài chính hằng năm; h) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị; i) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của VPBank, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc; j) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; k) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; l) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. 	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 bổ sung 2 vấn đề được thảo luận và thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên là: (i) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; (ii) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của VPBank (Điều 136).</p>
15	<p>Khoản 3 Điều 39:</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực trong trường hợp người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền, trừ trường hợp Hội đồng quản trị VPBank nhận được thông báo bằng văn bản về một trong</p>	<p>Bỏ Khoản này.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 đã bỏ quy định này.</p>

	các trường hợp nêu trên chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.		
16	<p>Khoản 3 Điều 40:</p> <p>3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 3 Điều 40:</p> <p>3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý của VPBank phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.</p>	Luật Doanh nghiệp 2014 bổ sung nghĩa vụ cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông cho cổ đông của người quản lý công ty (Điều 137).
17	<p>Khoản 2 Điều 41:</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VPBank chậm nhất bảy ngày làm việc¹ trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại</p>	<p>Khoản 2 Điều 41:</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VPBank chậm nhất bảy ngày làm việc² trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	Luật Doanh nghiệp 2014 cho phép cổ đông sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 138).

¹ Theo Luật Doanh nghiệp là 03 ngày nhưng cho phép Điều lệ được quy định khác.

² Theo Luật Doanh nghiệp là 03 ngày nhưng cho phép Điều lệ được quy định khác.

	công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.		
18	<p>Điểm d, Khoản 2, Điều 44:</p> <p>d) Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký.</p>	<p>Điểm d, Khoản 2, Điều 44:</p> <p>d) Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.</p>	Luật Doanh nghiệp 2014 không cấm Chủ toạ dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký (Điều 142).
19	<p>Khoản 7 Điều 44:</p> <p>7. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>c) Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;</p>	<p>Khoản 7 Điều 44:</p> <p>7. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>d) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>e) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>f) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>g) Thời gian hoãn tối đa là ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p>	Luật Doanh nghiệp 2014 mở rộng các trường hợp chủ toạ có quyền hoãn, thay đổi địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 142).
20	<p>Khoản 1 Điều 48:</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày</p>	<p>Khoản 1 Điều 48:</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được</p>	Luật Doanh nghiệp 2014 loại trừ thành viên HĐQT, Ban Kiểm

	<p>nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>c) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 45 Điều lệ này;</p> <p>d) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>soát, Tổng Giám đốc ra khỏi danh sách các đối tượng được quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời bổ sung nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng vào danh sách các đối tượng có quyền nêu trên (Điều 147).</p>
21		<p>Bổ sung Điểm u, Khoản 1 Điều 51:</p> <p>u) Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ VPBank hoặc giữa các Công ty thành viên độc lập của VPBank;</p>	<p>Theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 57/2012/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với TCTD và chi nhánh NHNNg thì “Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty thành viên độc lập của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng”. Tuy nhiên, Điều lệ hiện hành của VPBank chưa có quy định về vấn đề này do đó đề xuất bổ sung như bên để có cơ sở thực hiện.</p>

22	<p>Khoản 3 Điều 54:</p> <p>3. Đối với trường hợp thông qua quyết định bằng lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 51% số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành.</p>	<p>Khoản 3 Điều 54:</p> <p>3. Đối với trường hợp thông qua quyết định bằng lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành.</p>	<p>Nếu quy định là 51% thì trong 1 số trường hợp sẽ không thể xác định số lượng thành viên HĐQT tán thành tối thiểu để quyết định của HĐQT được thông qua. Do đó, đề xuất sửa đổi như bên để dễ xác định.</p>
23		<p>Bổ sung Điểm e Khoản 6 Điều 57:</p> <p>e) Không được giữ các chức vụ quản lý tại VPBank; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của VPBank;</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 bổ sung tiêu chuẩn, điều kiện như bên đối với thành viên Ban kiểm soát (Điều 164).</p>
24		<p>Bổ sung Khoản 10 Điều 58:</p> <p>10. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VPBank;</p>	<p>Luật Doanh nghiệp bổ sung quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VPBank của Ban Kiểm soát (Điều 165).</p>
25	<p>Khoản 2 Điều 73:</p> <p>2. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Khoản 2 Điều 73:</p> <p>2. VPBank chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; b) Đã trích lập các quỹ của VPBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VPBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. 	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 bổ sung điều kiện để công ty cổ phần được trả cổ tức (Điều 132).</p>
26	<p>Khoản 3 Điều 73:</p>	<p>Khoản 3 Điều 73:</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 bổ sung</p>

	<p>3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức phải được công khai gửi đến mọi cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức của cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VPBank; b) Họ, tên và địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; c) Số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức của cổ đông đó được nhận; d) Thời điểm và phương thức trả cổ tức; e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank. 	<p>thêm 1 số nội dung mà Thông báo trả cổ tức bắt buộc phải có (Điều 132).</p>
27	<p>Khoản 1 Điều 79:</p> <p>1. VPBank bị giải thể trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) VPBank tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận; b) Khi hết hạn hoạt động mà VPBank không xin gia hạn giấy phép hoạt động 	<p>Khoản 1 Điều 79:</p> <p>1. VPBank bị giải thể trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> e) VPBank tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận; f) Khi hết hạn hoạt động mà VPBank không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận; 	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 bổ sung thêm trường hợp giải thể doanh nghiệp (Điều 201 – 205).</p>

	<p>hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;</p> <p>c) VPBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>g) VPBank không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;</p> <p>h) VPBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	
--	--	---	--